

THÔNG BÁO
Mức thu giá dịch vụ một số xét nghiệm

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVPS ngày 08/5/2025 của Bệnh viện Phụ sản về việc Ban hành Bảng giá dịch vụ Lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm và dịch vụ Xỏ lỗ tai bé gái sơ sinh;

Căn cứ Công văn số 672/BVPS-TCKT ngày 28/4/2025 của Bệnh viện Phụ sản về việc kê khai giá dịch vụ bán trong nước;

Căn cứ Hợp đồng số 82/HĐ-BVPS ngày 28/02/2025;

Căn cứ Hợp đồng số 83/HĐ-BVPS ngày 28/02/2025;

Căn cứ Hợp đồng số 84/HĐ-BVPS ngày 28/02/2025.

Bệnh viện Phụ sản thông báo mức thu phí thực hiện một số dịch vụ xét nghiệm tại Bệnh viện cụ thể như sau,

Stt	Danh mục dịch vụ	Giá thu/01 lần (đồng)
1	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	193.000
2	Toxoplasma IgM miễn dịch tự động	190.000
3	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động	190.000
4	Syphilis miễn dịch tự động	127.000
5	CMV IgG miễn dịch tự động	183.000
6	Định lượng Ferritin	144.000
7	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	190.000
8	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	203.000
9	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	149.500
10	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	90.100
11	HBV đo tải lượng Real-time PCR	387.000
12	Tiền Sản Giật Tam Tuần Cá Nguyệt Thứ 2 & 3 (Định lượng yếu tố tân tạo mạch máu PLGF (Placental Growth Factor) [Máu] + Định lượng yếu tố kháng tân tạo mạch máu sFlt-1(soluble FMS like tyrosine kinase-1) [Máu])	1.582.000

13	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	310.000
14	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	273.500
15	HPV 40 Genotypes Realtime PCR (Định Tính - CE-IVD)	660.000
16	HPV 14 Genotypes Realtime PCR (Định Tính - Abbott)	600.000
17	Vi khuẩn định danh PCR	345.000
18	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp tế bào học chất lỏng - Liquid-based cytology (Liqui Prep, ThinPrep pap test...)	440.000
19	HPV 16 Genotypes Realtime PCR (Định Tính - CE-IVD)	440.000
20	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]	193.000
21	ROMA - Tiền Mãn Kinh (Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu] + Định lượng HE4 (human epydidymal protein 4) [Máu])	426.000
22	ROMA - Hậu Mãn Kinh (Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu] + Định lượng HE4 (human epydidymal protein 4) [Máu])	426.000
23	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	193.000
24	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển,đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết (Mẫu mô 5cm - 10cm)	430.500
25	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển,đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết (Mẫu mô < 5cm)	430.500
26	Triple Test (Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu] + Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu] + Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)[Máu]	362.100
27	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone) [Máu]	582.500
28	Định lượng Progesterone [Máu]	132.200
29	Định lượng Estradiol [Máu]	132.200
30	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	132.200
31	Định lượng Testosterone [Máu]	132.200
32	CMV IgM miễn dịch tự độ	195.850
33	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)[Máu]	132.200
34	Định lượng Prolactin [Máu]	132.200

35	Free Testosterone Index	240.500
36	Xét nghiệm sàng lọc ung thư CTC ThinPrep Pap Test	480.000
37	Xét nghiệm Aptima HPV	700.000
38	NIPT Cơ bản: Xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn	1.850.000
39	NIPT 7: Phát hiện 7 hội chứng	2.700.000
40	GENEVA + 9 Bệnh gen lặn	3.700.000
41	CarrierThalass	1.810.000
42	triSure Carrier®	2.170.000
43	triSureFirst:	1.350.000
44	triSure Thalass	2.300.000

Giá trên đã bao gồm mức thu phí dịch vụ Lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm theo Quyết định số 238/QĐ-BVPS ngày 08/5/2025 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Giá thu này áp dụng cho những bệnh nhân đến khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang từ lúc 00 giờ ngày 09/5/2025. Đối với các trường hợp nhập viện trước thời điểm này thì thu theo giá cũ.

Thông báo này thay thế Thông báo số 310/TB-BVPS ngày 03/3/2025, Thông báo số 375/TB-BVPS ngày 13/3/2025, Thông báo số 529/TB-BVPS ngày 21/4/2025 của Bệnh viện Phụ sản về việc Thông báo mức thu giá xét nghiệm dịch vụ.

Trên đây là thông báo về mức thu giá dịch vụ xét nghiệm tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang. Đề nghị các khoa, phòng triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phổ biến rộng rãi;
- Khoa, phòng;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC